

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Từ pháp học tiếng Việt

(*Vietnamese Morphology*)

- Mã số học phần: SG 296
- Số tín chỉ học phần: 02
- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết, 60 tiết tự học

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn: Sư phạm Ngữ Văn
- Khoa: Sư Phạm

3. Học phần tiên quyết: SG 295

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Nắm được các ý nghĩa, phương thức, phạm trù quan hệ ngữ pháp, đặc biệt là các phương thức được dùng trong tiếng Việt nhằm giúp sinh viên có cái nhìn khái quát và hệ thống về phân môn ngữ pháp.
- 4.1.2. Nhận diện được các đơn vị từ loại tiếng Việt.
- 4.1.3. Nắm được khái quát về hệ thống từ loại trong ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng Việt.
- 4.1.4. Nắm được các từ loại cơ bản trong tiếng Việt và sự chuyển loại của chúng.

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Nắm được các kỹ năng học và tiếp cận lý luận từ pháp trên lớp, kỹ năng đọc tài liệu lý luận, tham gia seminar; thuyết trình một vấn đề trong nội dung học và thảo luận nhóm, vận dụng các tri thức lý luận vào những vấn đề cụ thể của từ pháp học.
- 4.2.2. Người học có kỹ năng thực hành bộ môn, biết vận dụng những tri thức về tính hệ thống của từ pháp học vào việc giảng dạy tiếng Việt cho học sinh.
- 4.2.3. Người học có khả năng nhận diện, giải thích từ loại và hiện tượng về sự chuyển loại.

4.3. Thái độ:

Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những biểu hiện đa dạng của lý luận ngôn ngữ và cần trọng trong quá trình nghiên cứu, học tập và giảng dạy.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Từ pháp học tiếng Việt cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi về ngữ pháp nói chung và từ pháp học, đặc biệt là từ pháp học tiếng Việt.

Môn học gồm 2 phần:

- Phần 1: Đại cương về ngữ pháp; ở phần này trình bày khái niệm về ngữ pháp - ngữ pháp học, ý nghĩa, hình thức ngữ pháp, các phạm trù ngữ pháp và cấu trúc từ.

- Phần 2: Từ pháp học bao gồm 2 chương

+ Chương 1: Từ loại

+ Chương 2: Các lớp từ cơ bản trong tiếng Việt và sự chuyển loại của chúng

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Phần 1. Đại cương về ngữ pháp			
Chương 1. Ngữ pháp và ngữ pháp học.			
1.1.	Khái niệm và đối tượng	2	4.1.1, 4.1.2
	1.1.1. Khái niệm		
	1.1.2. Đối tượng, nhiệm vụ		
	1.1.3. Đặc điểm		
1.2.	Ý nghĩa và hình thức ngữ pháp	2	4.1.1, 4.1.2
	1.2.1. Ý nghĩa ngữ pháp		
	1.2.2. Hình thức ngữ pháp		
1.3.	Các phạm trù ngữ pháp	2	4.1.1, 4.1.2
	1.3.1. Phạm trù số		
	1.3.2. Phạm trù giống		
	1.3.3. Phạm trù cách		
	1.3.4. Phạm trù ngôi		
	1.3.5. Phạm trù thời		
	1.3.6. Phạm trù dạng		
1.4.	Cấu trúc từ	4	4.1.1, 4.1.2
	1.4.1. Những đặc điểm cơ bản của từ		
	1.4.2. Mặt ngữ pháp trong từ		
	1.4.3. Các phương thức cấu tạo từ		
Phần 2. Từ pháp học tiếng Việt			
Chương 2. Từ loại			
2.1.	Vấn đề từ loại trong ngữ pháp và trong ngữ pháp tiếng Việt	2	4.1.3, 4.1.4
	2.1.1. Vấn đề từ loại trong ngữ pháp		
	2.1.2. Vấn đề từ loại trong ngữ pháp tiếng Việt		
2.2.	Phân loại các từ thành từ loại	2	4.1.3, 4.1.4
	2.2.1. Phân loại dựa trên ý nghĩa khái quát		
	2.2.2. Phân loại dựa trên đặc điểm ngữ pháp		
	2.2.3. Phân loại dựa trên ý nghĩa và đặc điểm ngữ pháp		
2.3.	Phân loại các từ thành thực từ và hư từ	3	4.1.3, 4.1.4
	2.3.1. Phân loại dựa trên cơ sở ý nghĩa		
	2.3.2. Phân loại dựa trên đặc điểm ngữ pháp		

2.3.3. Tầm quan trọng của thực từ và hư từ		
2.4. Hệ thống từ loại tiếng Việt	3	4.1.3, 4.1.4
2.4.1. Khái quát		
2.4.2. Các từ loại trong hệ thống thực từ		
2.4.3. Các từ loại trong hệ thống hư từ		
2.4.4. Từ loại đại từ		
Chương 3. Các lớp từ		
3.1. Các từ loại trong hệ thống thực từ	5	4.1.3, 4.1.4
3.1.1. Danh từ		
3.1.2. Động từ		
3.1.3. Tính từ		
3.1.4. Số từ		
3.2. Các từ loại trong hệ thống hư từ	3	4.1.3, 4.1.4
3.2.1. Phụ từ		
3.2.2. Quan hệ từ		
3.2.3. Trợ từ		
3.2.4. Từ cảm		
3.3. Đại từ	1	4.1.3, 4.1.4
3.4. Sự chuyển hóa từ loại	1	4.1.3, 4.1.4
3.4.1. Sự chuyển hóa từ loại giữa thực từ và hư từ		
3.4.2. Sự chuyển hóa từ loại trong nội bộ thực từ		

7. Phương pháp giảng dạy:

- 7.1. Thuyết giảng
- 7.2. Cho sinh viên làm bài tập và thảo luận nhóm
- 7.3. Hướng dẫn sinh viên tự học ngoài giờ

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm bài tập nhóm	- Thuyết trình - Được nhóm xác nhận có tham gia	10%	4.1.1 đến 4.1.4
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi tự luận (40 phút)	20%	4.1.1 đến 4.1.3
3	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi trắc nghiệm hoặc tự luận (60 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành	70%	4.1.1 đến 4.1.4

	- Bắt buộc dự thi		
--	-------------------	--	--

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Tài liệu bắt buộc

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1. Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung- <i>Ngữ pháp tiếng Việt-T.1</i> - NXB Giáo dục - HN - 1992	495.9225/B105/T1
2. Lê Biên - <i>Tiếng Việt - Từ loại tiếng Việt hiện đại</i> - NXB ĐHSP1 - HN - 1991	495.9225/ B305
3. Nguyễn Tài Cẩn - <i>Ngữ pháp tiếng Việt (tiếng - từ ghép - đảo ngữ)</i> - NXB ĐH&THCN- HN- 1981	495.9225/C121/1996
4. Đỗ Hữu Châu - <i>Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt</i> - NXB Giáo dục - HN - 1981	495.9228/4h 125
5. Mai Ngọc Chừ - Vũ Đức Nghiệu - Hoàng Trọng Phiến - <i>Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt</i> - NXB ĐH&THCN – HN - 1981	495.922/ Ch550
6. Đinh Văn Đức - <i>Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại)</i> - NXB ĐH&THCN - HN - 1986	495.9225/Đ552
7. F.D. Saussure - <i>Giáo trình ngôn ngữ học ĐC</i> - NXB ĐHSP HN - 1973	410./S255
8. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên) - <i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i> - NXB Giáo dục HN - 1994	410/Gi 109

10.2 Tài liệu tham khảo

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1. Cao Xuân Hạo - <i>Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng</i> – NXB KHXH- HN- 1991	495.9225/ H108
2. Hồ Lê - <i>Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại</i> - NXB KHXH – HN - 1976	495.9225/ L250
3. Nguyễn Kim Thân - <i>Cơ sở ngữ pháp tiếng Việt</i> - NXB TPHCM - 1981	495.922/ Th1050
4. Cù Đình Tú - <i>Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt</i> - NXB ĐH&THCN – HN - 1983	495.922/ T500

11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

TT	Hình thức lên lớp	Nội dung	Công việc chuẩn bị của sinh viên	Số tiết thực tế
1	Lý thuyết	Hướng dẫn học tập môn học	Thực hiện theo yêu cầu của giảng viên: chia nhóm, chuẩn bị tài liệu...	2 tiết
2	Lý thuyết			
3	Lý thuyết	ND 1: Ngữ pháp và ngữ pháp học	Đọc phần 1.1, 1.2, 1.3 giáo trình: Ngữ pháp và ngữ pháp học và tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên.	4 tiết
4	Lý thuyết			
5	Lý thuyết			
6	Lý thuyết			
7	Lý thuyết	ND 2: Cấu trúc từ	Đọc phần 2.1, 2.2, 2.3 giáo trình: Cấu trúc từ và tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên.	4 tiết
8	Lý thuyết			
9	Lý thuyết			
10	Lý thuyết			
11	Lý thuyết	ND 3: Từ loại	Đọc phần 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 của giáo trình: Từ loại và tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên.	10 tiết
12	Lý thuyết			
13	Lý thuyết			
14	Lý thuyết			
15	Lý thuyết			
16	Lý thuyết			
17	Lý thuyết			
18	Lý thuyết			
19	Lý thuyết			
20	Lý thuyết			
21	Lý thuyết	ND 4: Các lớp từ	Đọc phần 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 của giáo trình: Các lớp từ và các tài liệu hướng dẫn của giảng viên.	10 tiết
22	Lý thuyết			
23	Lý thuyết			
24	Lý thuyết			
25	Lý thuyết			
26	Lý thuyết			
27	Lý thuyết			
28	Lý thuyết			
29	Lý thuyết			
30	Lý thuyết			

Cần Thơ, ngày 25 tháng 4 năm 2014

TL. HIỆU TRƯỞNG
P. TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Văn Nở

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRẦN VĂN MINH